

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH THẠNH
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/HS-ST

Ngày 27/5/2017

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH THẠNH, THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Diệu.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Bà Đoàn Sơn Lâm;
 2. Ông Đặng Công Văn.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Phục Hưng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu- Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Thạnh Tiến, huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HS-ST ngày 07 tháng 4 năm 2017, đối với bị cáo:

Trần Thị Tú T (có mặt tại phiên tòa)

Đăng ký thường trú và chỗ ở hiện nay: ấp L, xã N, huyện M, Thành phố Cần Thơ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; Trình độ học vấn: 02/12; Nghề nghiệp: Nội trợ; Con ông Trần Văn Đ và bà Đặng Thị D; Chồng: Lê Văn Q; Có 02 người con: lớn sinh năm 2005 và nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: chưa; Bị cáo tại ngoại.

Người bị hại: Chị Lý Thị B (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Trú tại: ấp P, thị trấn A, huyện M, Thành phố Cần Thơ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị D (yêu cầu xét xử vắng mặt).

Trú tại: Ấp L, xã N, huyện M, Thành phố Cần Thơ.

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Thị Tú T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, thành phố Cần Thơ truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Do biết em chồng bị cáo là chị Lý Thị B có tài sản cất giữ trong túi xách để trong phòng ngủ. Đến khoảng 04 giờ 30 phút, ngày 01/01/2017, khi thấy cửa phòng ngủ của B không khóa, bị cáo đã nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của B để lấy tiền trả nợ. Nên bị cáo lén lút vào phòng của B để lấy trộm một cái túi xách màu trắng và một cái túi xách màu đen, nhưng bị cáo không mở ra xem nên không biết bên trong có những tài sản gì. Ngay sau đó bị cáo mang tài sản lấy trộm được ra cất giấu tại bãi đất trống gần nhà, rồi vào kéo cửa sổ phòng ngủ của B sang một bên để tạo hiện trường giả như có trộm đột nhập vào nhà để không ai nghi ngờ. Đến 05 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo điện thoại cho mẹ ruột là bà D vào lấy túi xách đem về nhà cất giấu dùm, nhưng bị cáo không nói cho bà D biết túi xách do đâu mà có. Mà chỉ dặn bà D cất dùm và không được mở ra xem, không cho ai xem, khi nào cần bị cáo sẽ ra lấy. Bà D đồng ý và cũng không hỏi gì thêm. Đến khoảng 07 giờ ngày 01/01/2017, chị B thức dậy phát hiện mất tài sản nên đã trình báo Công an. Sau quá trình điều tra, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội.

Khi bà D gặp bị cáo đưa túi xách thì không biết bên trong có tài sản gì. Nhưng khi đem túi xách về nhà cất giữ, đến khoảng 08 giờ ngày 01/01/2017 bà D mở ra xem, phát hiện bên trong các túi xách có nhiều tài sản gồm: Tiền Việt Nam, vàng, ngoại tệ, đồng hồ và một số giấy tờ, trong đó có giấy tờ có ảnh của bị hại. Khi đó bà D nghĩ đó là tài sản của B nhưng không biết vì sao bị cáo có được mà đưa cho bà. Nên bà đợi trả lại khi B hỏi nhưng do nhà của bà đang sửa chữa không có chỗ cất giữ, sợ mất nên bà đã chia tài sản thành ba phần rồi đem đi cất giấu. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, bà D lấy 20.000.000đ trong túi xách để trả tiền vật liệu xây dựng, sau đó sẽ tìm cách mượn tiền trả lại. Đến chiều cùng ngày, Cơ quan Điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh mời bà D lên làm việc. Bà D đã khai nhận toàn bộ sự việc. Cơ quan Điều tra đã thu giữ được tang vật gồm:

- 10.700.700đ tiền Việt Nam;
- 20 đô la Mỹ, 1.000 Baht Thái Lan, 10 đô la Úc và 20 Peso Philippin;
- 04 nhẫn và 01 lắc đeo tay bằng vàng 24K có trọng lượng 25 chỉ;
- 21 chiếc vòng ximen, 05 nhẫn kiểu nữ, 02 đôi bông tai và 01 mặt dây chuyền bằng vàng 16K có trọng lượng 16,36 chỉ;
- 01 nhẫn kiểu nữ và 01 lắc đeo tay bằng vàng 14K có trọng lượng 4,33 chỉ;
- 01 lắc đeo tay và 01 nhẫn kiểu nữ bằng vàng trắng Italy có trọng lượng 4,99 chỉ;
- 01 mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch;

- 01 đồng hồ đeo tay hiệu Bestdon;
- 01 bóp kiểu nữ hiệu Juno;
- 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên B; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 60F2- 086.02, do H đứng tên cùng giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô;
- Và 02 hóa đơn bán hàng của tiệm vàng Q.

Đối với 01 túi xách màu đen và 01 cái đồng hồ màu hồng là tài sản của bị hại B, bà D đưa cho cháu chơi nhưng đã bị mất nên không thu hồi được. Theo như lời khai của bị hại thì số tiền mặt để trong túi xách bị mất là 33.000.000đ. Tuy nhiên, bà D khai nhận chỉ thấy 30.700.000đ, còn số tiền chênh lệch là 2.300.000đ và chiếc đồng hồ màu hồng có giá trị 3.700.000đ có sót lại trong túi xách bị mất hay không thì bà D không biết. Đến ngày 02/01/2017, bà D đã giao nộp 20.000.000đ đã lấy trước đó cho Cơ quan Điều tra.

Căn cứ biên bản định giá tài sản số 02 ngày 14/02/2017 của Hội đồng Định giá tài sản huyện Vĩnh Thạnh, số tài sản gồm ngoại tệ, đồng hồ và bóp da có giá trị 2.411.220đ. Căn cứ biên bản mở niêm phong và kiểm tra, xác định giá trị tài sản ngày 01/01/2017 tại tiệm vàng L, thì tổng số vàng trộm cắp bị thu giữ có giá trị là 131.104.400đ. Tổng tài sản bị hại B bị mất có giá trị 166.516.320đ.

Về trách nhiệm dân sự: Bà D thay mặt bị cáo đã thỏa thuận bồi thường xong số tiền 6.000.000đ cho bị hại, trong đó có 2.300.000đ chênh lệch bị mất và chiếc đồng hồ đeo tay màu hồng do bị mất có giá trị 3.700.000đ. Bị hại không yêu cầu gì thêm và còn làm đơn bãi nại xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Trong quá trình điều tra nhận thấy, hành vi cất giấu tài sản của bà D xuất phát từ tình cảm mẹ con giữa bà D với bị cáo. Khi bị cáo đưa tài sản cho bà D cất giữ dùm, bị cáo không nói cho bà D biết tài sản do trộm cắp mà có nên bà D không nghi ngờ, không biết bên trong túi xách có những tài sản gì và tại sao bị cáo có. Nhưng khi thấy trong tài sản có giấy tờ có hình ảnh của bị hại, do thiếu hiểu biết và không biết cách liên lạc với bị hại nên bà D vẫn giữ tài sản để chờ gia đình bị hại ra lấy. Khi được mời làm việc, bà D thành thật khai báo mọi hành vi của mình, đã bồi thường xong toàn bộ những tài sản do quá trình cất giữ làm mất. Nên Cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm đối với bà D.

Bản cáo trạng số: 20/KSĐT-KSXXSTHS-KT.CV ngày 07/04/2017, Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh, Thành phố Cần Thơ truy tố bị cáo Trần Thị Tú T về tội *trộm cắp tài sản*, theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên cáo trạng truy tố bị cáo về tội trộm cắp tài sản và còn đề nghị: áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, các điểm b và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù, và còn đề xuất về hướng xử lý vật chứng.

Còn bị cáo thì thừa nhận hành vi phạm tội như Cáo trạng truy tố. Bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, cam kết không tái phạm. Do đó, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY:

Trong quá trình điều tra và trước phiên tòa, bị cáo Trần Thị Tú T thừa nhận đã lợi dụng đêm khuya, sự sơ hở và mất cảnh giác của bị hại B trong việc quản lý tài sản nên bị cáo đã lấy trộm tài sản của bị hại, gồm: tiền, vàng, ngoại tệ và các tài sản khác có tổng trị giá là 166.515.620đ, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại B. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với tài liệu và các chứng cứ khác mà Cơ quan Điều tra đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận bị cáo A phạm tội *trộm cắp tài sản* theo điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự mà cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Thạnh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét thấy, bị cáo đang trong độ tuổi lao động, có sức khỏe nhưng không chịu tu tâm, dưỡng tánh, không chịu lao động để có thu nhập hợp pháp, trang trải cho nhu cầu cá nhân và gia đình. Mà ngược lại, chỉ vì tham lam và chây lười lao động nên bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của chính em chồng bị cáo để trả nợ, thể hiện sự coi thường pháp luật và đạo lý. Nên cần phải xử phạt bị cáo với mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện, nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và cải tạo bản chất xấu xa của bị cáo thành người tốt, biết lao động chân chính bằng sức lao động của mình để làm ra của cải và biết tôn trọng tài sản của người khác. Nhưng trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường thiệt hại xong nên được chị B làm đơn bãi nại, xin giảm nhẹ hình phạt; có gia cảnh khó khăn, hiện nay đang nuôi hai con còn nhỏ. Xét thấy, bị cáo có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Nên căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên cũng như sự khoan hồng và nhân đạo

của pháp luật, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được quy định tại khoản 2 Điều 138 và Điều 47 của Bộ luật Hình sự, nhưng phải nằm trong khoản 1 Điều 138 của Bộ luật Hình sự. Nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm chấp hành xong hình phạt, cải tạo thành người tốt nhưng vẫn bảo đảm được tính răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung trong xã hội.

Về vật chứng:

Đối với 30.700.700đ, 20 đô la Mỹ, 1.000 Baht Thái Lan, 10 đô la Úc, 20 Peso Philippin; Vàng các loại, trong đó 04 nhẫn và 01 lắc đeo tay vàng 24K; 21 chiếc vòng ximen, 05 nhẫn kiểu nữ, 02 đôi bông tai và 01 mặt dây chuyền 16K; 01 nhẫn kiểu nữ và 01 lắc đeo tay 14K; vàng trắng Italy gồm 01 lắc đeo tay và 01 nhẫn kiểu nữ; 01 mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch; 01 đồng hồ đeo tay hiệu Bestdon; 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 thẻ căn cước công dân, 01 giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên B; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô BS 60F2- 086.02 mang tên H cùng giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô; 01 bóp kiểu nữ hiệu Juno. Xét thấy, số tài sản và giấy tờ nêu trên là của chị B nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật, nghĩ nên công nhận.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu Mobell, gắn sim có số thuê bao 0932912115, 01 xe mô tô biển số: 65X2- 6208, cùng giấy đăng ký xe. Xét thấy, số tài sản này là của bà D, không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho bà D là đúng pháp luật, nghĩ nên công nhận.

Đối với 01 trích lục khai sinh tên G là con của bị cáo và 02 hóa đơn bán hàng của tiệm vàng Q của bị hại B giao nộp. Xét thấy, bị cáo và bị hại không có yêu cầu nhận lại những giấy tờ trên, nghĩ nên bị tịch thu để lưu giữ trong hồ sơ vụ án.

Đối với 01 điện thoại di động hiệu SamSung GT-E1200 màu đen và sim điện thoại có số thuê bao: 0939896799 là tài sản của bị cáo sử dụng vào việc liên lạc với bà D để nhờ cất giấu tài sản lấy trộm nên bị tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Về trách nhiệm dân sự: trong quá trình quản lý tài sản của bị hại B do bị cáo lấy trộm mà có. Bà D đã làm mất một cái đồng hồ đeo tay màu hồng, có giá trị 3.700.000đ và làm mất số tiền 2.300.000đ, có giá trị tổng cộng là 6.000.000đ. Nhưng bị cáo và bị hại B đã thỏa thuận bồi thường xong cho chị B 6.000.000đ, bị hại không có yêu cầu gì khác. Xét thấy, sự thỏa thuận bồi thường nói trên giữa bị cáo và bị hại là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức nghĩ nên công nhận.

Đối với hành vi cất giấu tài sản của bà Đặng Thị D. Xét thấy, khi đưa tài sản cho bà D cất giữ dùm, bị cáo không nói cho bà D biết tài sản do đâu mà có. Bà D

cũng hoàn toàn không biết những tài sản mà bị cáo đưa cho bà cất giữ do bị cáo trộm cắp mà có. Chỉ đến khi được mời để điều tra, bà D mới biết tài sản bà giữ dùm là do bị cáo trộm cắp mà có. Bà D thành thật khai báo, đồng thời tài sản bị mất trong quá trình bà quản lý đã bồi thường xong. Nên Cơ quan Điều tra không truy cứu trách nhiệm đối với bà D là phù hợp.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên vẫn giữ nguyên quyết định truy tố. Lời luận tội và đề nghị của Kiểm sát viên về áp dụng pháp luật, tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, mức hình phạt, cũng như xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự là có căn cứ xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: bị cáo Trần Thị Tú T phạm tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng các điểm b và p khoản 1 và khoản 2 Điều 46, Điều 47 và điểm e khoản 2 Điều 138 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Trần Thị Tú T 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 của Bộ luật Hình sự và Điều 76 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

* Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh đã trả lại cho bị hại B gồm:

- 30.700.700đ (ba mươi triệu, bảy trăm ngàn, bảy trăm đồng-VND), hai mươi đô- la Mỹ, mười đô- la Úc, một ngàn Baht Thái Lan và hai mươi Peso Philippin;

- 04 nhẫn và 01 lắc đeo tay vàng 24K; 21 chiếc vòng ximen, 05 nhẫn kiểu nữ, 02 đôi bông tai và 01 mặt dây chuyền vàng 16K; 01 nhẫn kiểu nữ và 01 lắc đeo tay vàng 14K; vàng trắng Italy gồm: 01 lắc đeo tay và 01 nhẫn kiểu nữ; 01 mặt dây chuyền bằng đá cẩm thạch;

- Một đồng hồ đeo tay hiệu Bestdon;

- Một giấy chứng minh nhân dân, một thẻ căn cước công dân, một giấy phép lái xe hạng A1 đều mang tên B;

- Và một chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số: 60F2- 086.02 mang tên H, cùng giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô này và một bóp kiểu nữ hiệu Juno.

* Công nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Vĩnh Thạnh đã trả lại cho bà D 01 điện thoại di động hiệu Mobell, sim có số thuê bao là 0932912115 và xe mô tô biển số: 65X2- 6208, cùng giấy đăng ký xe mô tô này.

* Tịch thu để lưu giữ trong hồ sơ vụ án 01 trích lục khai sinh tên G và 02 hóa đơn bán hàng của tiệm vàng Q.

* Tịch thu, sung quỹ Nhà nước một điện thoại di động hiệu Samsung GT-E1200 màu đen và sim điện thoại có số thuê bao: 0939896799.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận bị cáo T, bà Đặng Thị D và bị hại Lý Thị B đã thỏa thuận bồi thường xong 6.000.000đ (*sáu triệu đồng*) cho chị B. Bị hại không yêu cầu gì thêm.

Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Thị Tú T phải nộp 200.000đ (*hai trăm ngàn đồng*).

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tiếp theo của ngày tuyên án; riêng người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND huyện Vĩnh Thạnh;
- Công an huyện Vĩnh Thạnh;
- Chi cục THA huyện Vĩnh Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

Nguyễn Xuân Diệu